TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 01/2018/HS-ST
Ngày 16-01-2018

CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NA
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Nga

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Ngọc Tính

2. Ông: Hà Văn Trường

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Lan - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà*:** Ông Cao Duy Phục - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Thủy Thủy, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 43/2017/HSST ngày 19 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên**:** Nguyễn Hữu Đ Sinh ngày 26 tháng 8 năm 1992

Nơi sinh: Thôn Tr, xã Y, huyện Y, Thanh Hóa

Nơi cư trú: Thôn Tr, xã Y, huyệnY, Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp;Trình độ học vấn: 11/12

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28/11/2016 Nguyễn Hữu Đ bị Tòa án nhân dân Thị S, Thanh Phố Hà Nội xử phạt 9 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng.Về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"theo bản án số 122/2016/HSST. Con ông: Nguyễn Hữu T; Sinh năm: 1968; Con bà: Trịnh Thị H; Sinh năm: 1970; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con đầu trong gia đình.

Hiện nay bị cáo Nguyễn Hữu Đ bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2017 đến nay. Tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

2. Họ và tên**:** Đỗ Xuân T Sinh ngày 01 tháng 02 năm 1991

Nơi sinh: Thôn 11, xã Q, huyện Th, Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn 11, xã Q, huyện Th, Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không;

Về nhân thân: Tháng 12/2013 Đỗ Xuân T bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 57/2013/HSST; Tiền án, Tiền sự: Không; Con ông: Đỗ Xuân H; Sinh năm: 1972; Con bà: Trịnh Thị H; Sinh năm: 1970; Vợ Nguyễn Thị H – Sinh năm 1995; bị cáo có một con 5 tuổi. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu trong gia đình; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/03/2017, tạm giam từ ngày 16/03/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên**:** Hoàng Tuấn A; Sinh ngày 10 tháng 5 năm 1997

Nơi sinh: Thôn Th 2, xã X, huyện Th, Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn Th 2, xã X, huyện Th, Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Tiền án; Tiền sự: Không; Con ông: Hoàng Sỹ Th Sinh năm: 1964; Con bà: Hồ Thị L; Sinh năm: 1965; Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con út trong gia đình.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/03/2017, tạm giam từ ngày 17/3/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên**:** Trịnh Kim H**;** Sinh ngày 10 tháng 4 năm 1994.

Nơi sinh: Thôn Th , xã Th, huyện Th, Thanh Hóa.

Nơi cơ trú: Thôn Th , xã Th, huyện Th, Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Tiền án,Tiền sự: Không; Con ông: Trịnh Kim N; Sinh năm: 1970; Con bà: Trịnh Thị T; Sinh năm: 1974; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con đầu trong gia đình.

Bị cáo bị tạm giữ 08/03/2017, tạm giam từ ngày 17/3/2017, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

1. Anh Nguyễn Bảo Tr; Sinh năm 1980

Trú tại: Tổ 7 thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh hóa

2. Chị Lê Thị Th; Sinh năm 1972

Trú tại: Tổ 9 thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh hóa

3. Anh Hà Văn T

Trú tại: Tổ 9 thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Người bị hại đều có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông: Nguyễn Hữu T - Trú tại: Thôn Tr, xã Y, huyện Y, Thanh Hóa. Có mặt tai phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Duy T - Trú tại: Tổ 7 thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt không có lý do.

2. Bà Ngô Thị Đ- Trú tại: Tổ 9 thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt không có lý do

3. Anh Hà Văn Đ - Trú tại: Tổ 9 thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

4. Anh Nguyễn Đình V - Trú tại: Xóm 23, xã X, huyện Th, Thanh Hóa, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 07/11/2016 Đỗ Xuân T, sinh năm 1991 trú tại thôn 11, xã Q, huyện Th, Thanh Hóa cùng Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1992 trú tại thôn Tr, xã Y, huyện Y, Thanh Hóa; Hoàng Tuấn A, sinh năm 1997 trú tại thôn Th 2, xã X, huyện Th, Thanh Hóa và Trịnh Kim H, sinh năm 1994 trú tại thôn Th, xã Th, huyện Th, Thanh Hóa đi từ huyện Y, lên huyện C với mục đích tìm nhà dân có sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi Trịnh Kim H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu NOUVO LX màu xanh - trắng chở Hoàng Tuấn A, còn Nguyễn Hữu Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu EXCITER màu đỏ - đen, BKS: 36D1 – 344.64 chở Đỗ Xuân T. Đến khoảng gần 24 giờ cùng ngày, Nguyễn Hữu Đ, Đỗ Xuân T, Hoàng Tuấn A, Trịnh Kim H đi đến thị trấn C, huyện C và tiếp tục đi theo hướng lên huyện B. Khi T, Đ, Tuấn A, H đi qua gia đình chị Lê Thị Th, ở Tổ 9, thị trấn C thì T bảo cả nhóm dừng lại, sau đó T đi bộ vào nhà chị Th, Tuấn A đứng ngoài đường cảnh giới, còn Đ, H ở ngoài xe đợi. Khi vào nhà chị Th, Tư phát hiện chiếc két sắt để ở bên trái phòng khách nên đã kéo két sắt ra ngoài hiên nhà chị Th, rồi quay ra gọi Tuấn Avào cùng khiêng két sắt ra ngoài đường. Sau đó T và Tuấn A khiêng két sắt đặt lên xe của H, còn Tư ngồi sau ôm két sắt. Sau khi trộm cắp được két sắt T, H, Đ, Tuấn A đi theo đường tránh Thị trấn Cẩm Thủy, khi đi đến đoạn giữa đường tránh H dừng xe lại, đẩy két sắt xuống bờ đường. Sau đó Đỗ Xuân T lấy dao năm trong cốp xe mang sẵn từ trước để đục két sắt lấy được số tiền 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng), gồm các loại tiền mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). T thông báo cho Đ, Tuấn A, H biết số tiền trong két rồi bỏ tiền vào túi và Đ đẩy két sắt xuống mương nước cạnh đường. Sau đó cả nhóm đi xe máy quay lại Thị trấn C. Khi đi qua gia đình anh Nguyễn

Bảo Tr, sinh năm 1980 trú tại Tổ 7, thị trấn C, T phát hiện thấy tầng hai của gia đình anh Tr không đóng cửa và có điện sáng nên T bảo cả nhóm dừng lại, rồi T và Tuấn A đi lại khu vực nhà anh Tr. Lúc đó T trèo lên cây vú sữa trước nhà anh Tr để lên mái tôn và lên tầng hai của gia đình anh Tr. Khi vào nhà anh Tr T lục túi quần áo lấy được chùm chìa khóa nhà và chìa khóa của hai xe mô tô của gia đình anh Tr. Sau đó, T mở cửa sắt của nhà anh Tr và dắc 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA - AIR BLADE, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 36L1 - 027.55 ra ngoài đưa cho Tuấn A rồi Tư tiếp tục quay vào nhà anh Tr dắc 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA - NOUVO LX, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 36B2 - 367.53 ra ngoài. Sau khi trộm cắp được hai chiếc xe mô tô thì Tư đi xe biển kiểm soát 36B2 - 367.53, Tuấn A đi xe biển kiểm soát 36L1 – 027.55, H đi xe của mình, Đ đi xe của T và cả nhóm đi theo hướng huyện V để về huyện Y. Trên đường đi cả nhóm dừng lại, Tư tháo biển kiểm soát của hai xe mô tô trộm cắp được và lấy chiếc ví có giấy tờ và ít tiền trong ví để trong cốp và xe vứt xuống lề đường, Phù hợp với báo cáo của anh Nguyễn Bảo Tr về việc có chiếc ví để trong cốp xe, trong ví có giấy tờ và số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng). Sau khi về đến xã Y, huyện Y thì Đỗ Xuân T cất giấu chiếc xe NOUVO LX BKS: 36B2 - 367.53 tại nhà Nguyễn Hữu Đ, rồi cả nhóm đi ra khu vực cầu phao Hạnh Phúc ở huyện Th để chia tiền trộm cắp được, T chia cho mỗi người số tiền 4.000.000 đ (bốn triệu đồng), còn để lại 2.000.000đ cả nhóm tiêu chung. Sau đó nhóm của Đỗ Xuân T đã bán 02 (hai) chiếc xe mô tô trộm cắp được lấy tiền tiêu xài chung.

Ngày 30/6/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã tiến hành trưng cầu định giá tài sản đối với 01 két sắt do Đỗ Xuân T cùng đồng bọn trộm cắp tại nhà chị Lê Thị Th ở tổ 9 thị trấn C ngày 07/11/2016. Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện C xác định trị giá chiếc két tại thời điểm bị trộm cắp là: 1.000.000 đ (Một triệu đồng).

Trong quá trình điều tra, anh Hà Văn T sinh năm 1995 trú tại tổ 9 thị trấn C(con trai chị Lê Thị Th) khai báo còn bị mất hai đôi giầy và 01 đối dép, anh T mua trước đó khoảng 5, 6 tháng để sử dụng. Do giá trị tài sản không lơn nên anh T không có yêu cầu bồi thường. Số giầy dép trên bị cáo Trịnh Tuấn A khai nhận đã lấy và đem ra xe máy Trịnh Kim H để mang đi nhưng sau đó không ai sử dụng vì đã cũ nên sau đó để đâu không biết. Ngày 28/09/2017 sau khi trả hồ sơ điều bổ sung, cơ quan CSĐT đã ra quyết định trưng cầu giám định Hội đồng định giá trong tố tụng Hình sự huyện CThủy đối với số giầy, dép trên. Nhưng không có căn cứ để tiến hành định giá.

Tại quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, Viện kiểm sát yêu cầu Cơ quan CSĐT Công an huyện C tiến hành trưng cầu định giá lại đối với số giày,

dép mà anh Hà Văn Tiên đã bị mất. Ngày 28/10/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện C có Quyết định trưng cầu định giá lại tài sản số 119/CSĐT, trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Thanh Hóa định giá lại đối với số giày, dép mà anh Hà Văn T đã bị mất. Ngày 30/11/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Thanh Hóa có công văn số 5197/CV-HĐĐG trả lời nội dung trưng cầu. Theo đó, đối với số giày, dép anh Hà Văn T bị mất vào ngày 07/11/2016, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Thanh Hóa không có căn cứ để tiến hành định giá tài sản.

Chị Th khai báo, tại thời điểm bị mất chiếc két sắt, chị chỉ nhớ trong két sắt gia đình chị có khoảng 80.000.000đ. Đây là số tiền do gia đình chị Th lâu nay làm ăn tiết kiệm mà có, tiền có loại mệnh giá 500.000đ và 200.000đ.Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Đỗ Xuân T cùng đồng bọn trộm cắp của gia đình chị Lê Thị Th trú tại tổ 9 Thị trấn C vào đêm ngày 07/11/2016 với số tiền trong két sắt, các bị cáo khai là từ 16.000.000đ đến 18.000.000đ.

Ngày 20/3/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã tiến hành trưng cầu định giá tài sản đối với 02 (hai) xe mô tô gồm 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA - AIR BLADE, biển kiểm soát 36L1 - 027.55 và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA – NOUVO LX, biển kiểm soát 36B2 - 367.53. Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện C xác định tổng trị giá của hai chiếc xe máy tại thời điểm bị trộm cắp là: 29.500.000 đ và số tiền mặt trong chiếc ví để trong cốp xe máy là 1.000.000đ. Tổng giá trị tài sản mà Đỗ Xuân T cùng đồng bọn trộm cắp của gia đình anh Nguyễn Bảo Tr trú tại tổ 7 Thị trấn C vào đêm ngày 07/11/2016 là 30.500.000đ.

Đối với 02 (hai) chiếc xe mô tô trộm cắp tại nhà anh Nguyễn Bảo Tr. Đỗ Xuân T khai nhận không biết ai đem đi bán chỉ nghe nói bán được số tiền 7.000.000đ và cả nhóm dùng số tiền này để ăn tiêu chung; Hoàng Tuấn A khai nhận chiếc xe HONDA AIR BLADE T bảo Tuấn A đem xuống cho Nguyễn Đình V, sinh năm 1989 ở Xóm 23, xã X, huyện Th, việc mua bán là do T và Văn thỏa thuận còn chiếc xe YAMAHA NOUVO LX không biết ai bán, Tuấn A chỉ nghe nói bán hai xe được số tiền 6.000.000đ và cả nhóm ăn tiêu chung; Đối với Nguyễn Hữu Đ khai nhận, chiếc xe NOUVO LX trộm cắp được thì T xuống nhà Đ lấy đem đi bán còn xe HONDA AIR BLADE không biết ai bán, chỉ nghe nói bán được số tiền 6.000.000 đ và cả nhóm ăn tiêu chung; Trịnh Kim H khai nhận không biết ai bán hai chiếc xe trộm cắp, chỉ biết tiền bán xe cả nhóm tiêu xài chung.

Quá trình điều tra Nguyễn Đình V không thừa nhận việc mua bán hai chiếc xe HONDA AIR BLADE và YAMAHA NOUVO LX với nhóm của Đỗ

Xuân T, Nguyễn Hữu Đ, Hoàng Tuấn A, Trịnh Kim H. Do vậy không có căn cứ để xử lý Nguyễn Đình Văn về tội "tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Quá trình điều tra xác định, ngoài hành vi trộm cắp tài sản tại Thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 07/11/2016, các bị cáo còn thực hiện hành vi phạm tội tại các địa phương khác, cụ thể:

+ Đối với Đỗ Xuân T cùng các đối tượng khác thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản tại huyện M, tỉnh Hòa Bình và 01 vụ trộm cắp tài sản tại huyện Nh, tỉnh Ninh Bình và thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản tại huyện Nh, tỉnh Ninh Bình.

+ Trịnh Kim H cùng các đối tượng khác thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản tại tỉnh Hòa Bình (01 vụ tại huyện L, tỉnh Hòa Bình; 01 vụ tại huyện Y, tỉnh Hòa Bình và 02 vụ tại huyện M, tỉnh Hòa Bình) và 01 vụ trộm cắp tài sản tại huyện Nh, tỉnh Ninh Bình.

+ Hoàng Tuấn A cùng những người khác thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản tại tỉnh Hòa Bình (01 vụ tại huyện L, tỉnh Hòa Bình; 01 vụ tại huyện Y, tỉnh Hòa Bình và 02 vụ tại huyện M, tỉnh Hòa Bình) và 01 vụ trộm cắp tài sản tại huyện Nh, tỉnh Ninh Bình.

Đối với các vụ trộm cắp do các bị cáo thực hiện tại các huyện của tỉnh Hòa Bình, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hòa Bình đã ra quyết định khởi tố và kết luận chuyển Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Hòa Bình đề nghị truy tố các bị cáo về tội trộm cắp tài sản. Đối với vụ trộm cắp tại huyện Nh, tỉnh Ninh Bình, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nh, tỉnh Ninh Bình đã khởi tố và kết luận chuyển Viện kiểm sát nhân dân huyện Nh, tỉnh Ninh Bình đề nghị truy tố các bị cáo về tội trộm cắp tài sản.

Ngoài các vụ trộm cắp tài sản nói trên, Đỗ Xuân T, Nguyễn Hữu Đ, Hoàng Tuấn A và Trịnh Kim H còn khai nhận thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản tại huyện Ng, tỉnh Thanh Hóa. Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã có công văn trao đổi với Cơ quan CSĐT Công an huyện Ng để tiến hành điều tra, xác minh đối với vụ trộm cắp do các đối tượng đã khai báo.

Quá trình điều tra xác định, trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có sử dụng 02 phương tiện xe mô tô để đi trộm cắp tài sản gồm: 01 xe nhãn hiệu NOUVO LX màu xanh – trắng (không rõ biển kiểm soát) và 01 xe mô tô nhãn hiệu EXCITER màu đỏ - đen, BKS: 36D1 – 344.64. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu NOUVO LX xác định là xe của Trịnh Kim H mua lại của anh Trương Thế L sinh năm 1991 trú tại Thôn 8, huyện Th, Thanh Hóa. Sau đó do nợ tiền của Nguyễn Đình V nên H bán chiếc xe đó cho V và V đã bán chiếc xe đó cho một người không rõ tên, địa chỉ lấy số tiền là 26.000.000đ (*Hai mươi sáu*

triệu đồng). Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu EXCITER màu đỏ - đen, BKS: 36D1 – 344.64 xác định là của Đỗ Xuân T. Chiếc xe này sau đó T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội tại Hòa Bình và đã bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hòa Bình tạm giữ.

Trong quá trình điều tra gia đình bị cáo Nguyễn Hữu Đ đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền 13.000.000đ (*mười ba triệu đồng*), gia đình Hoàng Tuấn A đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền 10.000.000 đ (*mười triệu đồng*). Đối với số tiền này Cơ quan CSĐT Công an huyện C đang tạm giữ tại kho lưu ký thuộc kho bạc nhà nước huyện C để chờ xử lý theo quy định và bị cáo Nguyễn Tuấn A con tự nguyện bồi thương tại Tòa án 2.000.000đ.

Đối với Nguyễn Đình V không thừa nhận việc mua bán hai chiếc xe HONDA AIR BLADE và YAMAHA NOUVO LX với nhóm của Đỗ Xuân T, Nguyễn Hữu Đ, Hoàng Tuấn A, Trịnh Kim H. Do đó sẽ tiếp tục điều tra để xử lý ở vụ việc khác.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-KSĐT-KT ngày 11/12/2017 của VKS nhân dân huyện C đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu Đ; Đỗ Xuân T; Hoàng Tuấn A; Trịnh Kim H về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà, Các bị cáo đều khai nhận do quen biết nhau qua các lần đi đám cưới, nên ngày 07/11/2016 Hoàng Tuấn A và H gọi điện cho T sang nhà Tuấn A uống rượu. T gọi Đ cùng đi, sau đó cả nhóm ngồi uống rượu tại nhà Tuấn A và cùng nhau nảy sinh ý định lên huyện C với mục đích tìm nhà dân có sơ hở để trộm cắp tài sản. Đến khoảng gần 23 giờ cùng ngày, Trịnh Kim H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu NOUVO LX màu xanh - trắng chở Hoàng Tuấn A, còn Nguyễn Hữu Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu EXCITER màu đỏ - đen, BKS: 36D1 – 344.64 chở Đỗ Xuân T. Đến khoảng gần 24 giờ cả nhóm đi đến thị trấn C. Khi đi qua gia đình chị Lê Thị Th, ở Tổ 9, Thị trấn C thì T bảo cả nhóm dừng lại vì thấy gia đình có điện sáng, cửa không đóng nên T vả Tuấn A lấy được 01 két sắt, Tuấn A lấy hai đối giầy và một đôi dép. Các tình tiết khác các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng nêu. T thừa nhận là người chủ mưu, cầm đầu và cùng với Tuấn A thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản trên địa bán Thị trấn C, còn H và Đ chỉ chỉ có vai trò là người giúp sức. Số tiền bán hai chiếc xe máy của gia đình anh Tr do T giữ để cả nhóm chi tiêu. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Đ, H và Tuấn A. Bị cáo Hoàng Tuấn A và bị cáo Đ trình bày đã khắc phục bồi thường cho gia đình bị hại tổng 25.000.000đ (Đ bồi thường được 13.000.000đ),

bị cáo T và H chưa bồi thường được vì bị tạm giam không liên lạc được với gia đình.

Lời khai người bị hại, chị Th tại phiên tòa trình bày: Số tiền gia đình chị bị mất trong két sắt khoảng 80.000.000đ, mệnh gia các loại tiền cụ thể bào nhiêu tưng loại mệnh giá chị không nhớ, chị khai gồm 03 mênh giá, 500.000đ; 200.000đ; 100.000đ, chị đề nghị xem xét buộc các bị cáo bồi thường số tiền bị mất trong két sắt khoảng 80.000.000đ. Chiếc két sắt đã bị hư hỏng chị không đề nghị được trả lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông T trình bày: Đ là con trai ông, đã có vợ và ra ở riêng, việc Đ khai có cất dấu một chiếc xe máy YAMAHA là tài sản trộm cắp được trong nhà ông là không có, ông không biết vì Đ đi xe máy về rồi lại đi nên ông không để ý. Còn số tiền Đ nộp bồi thường là tiền của vợ chồng Đ nhờ ông giao nộp, trong đó có vay của ông 3.000.000đ.

Người làm chứng trong vụ án, anh Hà Văn Đ trình bày: Chiều ngày 08/11/2016 Vợ chồng anh đi về quê đám cưới về sau đó lên Thanh phố Thanh Hóa lấy hàng đến ngày 09/11/2016 về nhà thì phát hiện két sắt trong nhà bị mất trộm, trong két sắt có một số giấy tờ và khoảng 80.000.000đ, chủ yếu là tiền mệnh giá 500.000đ và 200.000đ. Anh và vợ anh là người giữ chia khóa két sắt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 điều 138, điểm g, khoản 1 điều 48 điều 20; điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 (đối với 4 bị cáo) điểm p, khoản 1 điều 46 (đối với bị cáo H) điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự (Đối với bị cáo Đ, Tuấn A) để xử phạt bị cáo Đỗ Xuân T từ 30 đến 36 tháng tù. Bị cáo Trịnh Kim H từ 18 đến 24 tháng tù. Bị cáo Hoàng Tuấn A từ 24 đến 30. tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo Nguyễn Hữu Đ từ 18 đến 24 tháng tù.Thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 42 BLHS năm 1999; điều 589 BLDS. Buộc Đỗ Xuân Tư; Nguyễn Hữu Đăng; Hoàng Tuấn Anh; Trịnh Kim Huy phải liên đới bồi thường cho những người bị hại số tiền đã chiếm đoạt chứng minh được là 49.500.000đ. Bị cáo Đăng được trừ đi số tiền gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường là 13.000.000đ; Hoàng Tuấn Anh được trừ đi số tiền gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường là 10.000.000đ và nộp tại Tòa án 2.000.000đ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 điều 106 BLTTHS năm 2015; điểm đ, khoản 2 điều 41 BLHS năm 1999. Tại phiên tòa chị Th người bị

hại không đề nghị trả lại chiếc két sắt đã bị hư hỏng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Thủy; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố. Sau khi Tòa án ra quyết định trả hồ sơ Điều tra bổ sung đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, không có khiếu nại. Vì vậy, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ và hợp pháp đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên toà, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, nội dung bản cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận: Đêm ngày 07, rạng ngày 08/11/2016 các bị cáo đã có hành vi lén lút, lợi dụng sơ hở trong việc trông coi, bảo vệ tài sản để trộm cắp tại nhà chị Lê Thị Th trú tại tổ 9 thị trấn C 01 (Một) két sắt, trong két sắt có số tiền 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*)và 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) giá trị của két sắt bị trộm cắp. Tổng trị giá tài sản của chị Th bị chiếm đoạt là 19.000.000đ (*Mười chín triệu đồng*) và trộm cắp tại gia đình anh Nguyễn Bảo Tr ở tổ 7 thị trấn C 02 (Hai) chiếc xe mô tô, trị giá 29.500.000đ *(Hai mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng)* và 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) để ở ví trong cốp xe máy bị trộm cắp. Tổng giá trị tài sản gia đình anh Tr bị trộm cắp là 30.500.000đ (*Ba mươi triệu năm trăm ngàn đồng).*

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Hữu Đ; Đỗ Xuân T Hoàng Tuấn A; Trịnh Kim H đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đánh giá về tính chất, mức độ phạm tội và vai trò của từng bị cáo: Trong vụ án này, trước và trong khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có sự bàn bạc, phân công từ trước. Vì vậy, đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Đỗ Xuân T có vai trò là người cầm đầu, khởi xướng, đồng thời

cũng là người cùng với Hoàng Tuấn A thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bán huyện C, bị cáo H, Đ tham gia với vai trò là người giúp sức.

Các bị cáo đều là người tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe nhưng không chịu khó lao động, sản xuất để tạo ra của cải phục vụ cuộc sống, mà chỉ vì muốn hưởng thụ trên sức lao động của người khác nên đã lao vào con đường phạm tội. Các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản trong việc quản lý tài sản để thực hiện việc chiếm đoạt tài sản nên đã phạm tội, các bị cáo không chỉ thực hiện các hành vi phạm tội trên địa bàn trong tỉnh mà còn thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản ở nhiều tỉnh thành đã bị truy tố. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người dân là một trong những khách thể quan trọng được pháp luật hình sự bảo vệ, hành vi của các bị cáo đã làm mất trật tự trị an trong cộng đồng dân cư, làm người dân không yên tâm trong việc bảo vệ tài sản của mình, làm thiệt hại và ảnh hưởng đến việc phát triển kinh tế trong địa bàn và toàn xã hôi. Vì vậy cần phải lên mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

Đánh giá về nhân thân của các bị cáo: Trong vụ án này bị cáo T và bị cáo Đ là người có nhân thân sấu, bị cáo Đ phạm tội đang trong thời gian thử thách án treo, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo phạm tội trước thời điểm xét xử của bản án, vì vậy bị cáo không bị tính tiền án và tài phạm, bị cáo T tại phiên tòa đã thanh khẩn khai báo, bị cáo Tuấn A và H là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo Đ và Tuấn A đã tác động với gia đình để bồi thường phần thiệt hại của mình cho người bị hại thuộc trường hợp giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1 điều 46 BLHS năm 1999. Bị cáo Đ còn áp dụng tình tiết ra đầu thú, được quy định tại khoản 2 Điều 46 – BLHS năm 1999 .

Do các bị cáo thực hiện việc chiếm đoạt tài sản nhiều lần nên thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội nhiều lần" theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 BLHS năm 1999. Vì vậy cần phải áp dụng điều 33 BLHS năm 1999 để tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội .

Áp dụng khoản 1 điều 138, điểm g, khoản 1 điều 48 điều 20; điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 (đối với 4 bị cáo) điểm p, khoản 1 điều 46 (đối với bị cáo H) điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự (Đối với bị cáo Đ, Tuấn A) bị cáo Đ còn được áp dụng khoản 2 Điều 46 – BLHS để lên mức hình phạt đối với các bị cáo: Đỗ Xuân T khoảng 30 tháng tù. Bị cáo Hoàng Tuấn A khoảng 20 tháng tù Bị cáo Trịnh Kim H khoảng 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành

hình phạt tù của ba bị cáo, tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo Nguyễn Hữu Đ khoảng 16 tháng tù.Thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2017.

Về bồi thường thiệt hại:

Số tài sản trên sau khi các bị cáo chiếm đoạt không thu hồi được và người bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường nên cần buộc các bị cáo liên đới bồi thường giá trị các tài sản trên là phù hợp.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo cho rằng chỉ số tiền trong két sắt nhà chị Th là từ 16.000.000đ đến 18.000.000đ. Tuy nhiên tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa chị Lê Thị Th vẫn đề nghị xem xét số tiền bị mất trong két sắt là khoản 80.000.000. Nhưng tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa chị Th vẫn không khẳng định được số tiền chính xác về tổng số và mệnh gía từng loại tiền, không phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra chỉ có hai loại mệnh giá 500.000đ; 200.000đ, lời khai của anh Đ chồng chị Th cũng không thống nhất chỉ có hai mệnh giá năm trăn và hai trăm, tại cơ quan điều tra lại khai gồm 03 mệnh giá, có cả tiền mệnh giá một trăm nên không đủ tài liệu, chứng cứ để chứng minh được số tiền mình bị mất trong két sắt là 80.000.000đ. Vì vậy chỉ buộc các bị cáo phải liện đới bồi thường cho chị Th 18.000.000đ trong két sắt và trị giá chiếc két sắt 1000.000đ là có cơ sở.

Tại Cơ quan điều tra, gia đình bị cáo Đ đã tự nguyện nộp số tiền 13.000.000đ và gia đình bị cáo Hoàng Tuấn A tự nguyện nộp số tiền 10.000.000đ hiện đang nhập kho tại kho bạc huyện C và Hoàng Tuấn A nộp thêm tại Tòa án 2.000.000đ. Vì vậy, ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của hai bị cáo Đ và Hoàng Tuấn A và được trừ vào số tiền gia đình các bị cáo đã tự nguyện bồi thường, hai bị cáo không phải bồi thường nữa. Số tiền còn lại buộc bị cáo T và H phải liên đới bồi thường, trong đó bị cáo T phải bồi thường cao hơn vì T là người giữ và chủ động chi tiêu chung số tiền bán hai chiếc xe máy.

[3] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định, trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có sử dụng 02 phương tiện xe mô tô để đi trộm cắp tài sản gồm: 01 xe nhãn hiệu NOUVO LX màu xanh – trắng (không rõ biển kiểm soát) và 01 xe mô tô nhãn hiệu EXCITER màu đỏ - đen, BKS: 36D1 – 344.64. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu NOUVO LX xác định là xe của Trịnh Kim H mua lại của anh Trương Thế L sinh năm 1991 trú tại Thôn 8, huyện Th, Thanh Hóa. Sau đó do nợ tiền của Nguyễn Đình V nên Huy bán chiếc xe đó cho V và V đã bán chiếc xe đó cho một người không rõ tên, nên không thu hồi được nên không có cơ sở xử lý. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu EXCITER màu đỏ - đen, BKS: 36D1 – 344.64 xác định là của Đỗ Xuân T. Chiếc xe này sau đó T sử

dụng để thực hiện hành vi phạm tội tại Hòa Bình và đã bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hòa Bình tạm giữ nên cần tách ra để xử lý ở Hòa Bình.

Đối với con dao dựa mà các bị cáo sử dụng vào việc phá két sắt của nhà chị Th, không thu hồi được nên không có cơ sở xử lý.

Đối với chiếc két sắt của gia đình chị Th đã hư hỏng không còn gia trị, tại phiên tòa chị Th không đề nghị được trả lại. Nghĩ nên tịch thu tiêu hủy, vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

[4] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Xuân T, Nguyễn Hữu Đ, Trịnh Kim H, Hoàng Tuấn A phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138, điểm g, khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 (đối với 4 bị cáo) điểm p, khoản 1 Điều 46 (với bị cáo H) điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự (Đối với bị cáo Đ, Tuấn A) và khoản 2 Điều 46 đối với bị cáo Đ.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Xuân T 30 tháng tù (Ba mươi tháng). Bị cáo Hoàng Tuấn A 20 tháng tù (Hai mươi tháng). Bị cáo Trịnh Kim H 18 tháng tù (Mười tám tháng). Thời hạn chấp hành hình phạt tù của ba bị cáo tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu Đ16 tháng tù (Mười sáu tháng). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (16/3/2017)

Về bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS năm 1999; Điều 30 – BLTTHS năm 2015; Điều 587; Điều 589; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc các bị cáo Đỗ Xuân T; Nguyễn Hữu Đ; Hoàng Tuấn A; Trịnh Kim H phải liên đới bồi thường cho những người bị hại số tiền đã chiếm đoạt chứng minh được là 49.500.000đ, Số tiền bồi thường cụ thể như sau:

Bồi thường cho anh Nguyễn Bảo Tr, địa chỉ Tổ 7 thị trấn C, huyện C, số tiền 30.500.000đ. Chia theo phần: Đỗ Xuân T phải bồi thường 8.000.000đ, Nguyễn Hưu Đ 8.000.000, Hoàng Tuấn A phải bồi thường 8.000.000đ, Trịnh Kim H phải bồi thường 6.500.000đ.

Bồi thường cho bà Lê Thị Th, địa chỉ tổ 9 thị trấn C, huyện C, số tiền 19.000.000đ. Chia theo phần: Đỗ Xuân T phải bồi thường 6.000.000đ, Nguyễn Hưu Đ phải bồi thường 5.000.000đ, Hoàng Tuấn A phải bồi thường 4.000.000đ, Trịnh Kim H phải bồi thường 4.000.000đ. Tiếp tục quy trữ số tiền 23.000.000đ, bị cáo Đ và bị cáo Hoàng Tuấn A nộp hiện đang lưu kho theo lệnh nhập kho lưu

ký số 13/2017/CSĐT, ngày 10/4/2017 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Thủy tại kho bạc nhà nước huyện Cẩm Thủy để đảm báo thi hành án.

Chuyển giao cho Chi cục Thi hành án huyện C số tiền 2.000.000đ bị cáo Hoàng Tuấn A giao nộp tại Tòa án để quy trữ đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thoả thuận thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015; điểm đ, khoản 2 Điều 41 BLHS năm 1999. Tịch thu tiêu hủy 01 Két sắt nhãn hiệu VIHAN, kích thước 35cm x 45cm x70 cm, mặt ngoài phía sau đã bị đục thủng 01 lỗ, kích thước 25cm x 20cm theo phiếu nhập kho ngày 24/7/2017 của Chi cục THADS huyện C.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

Bị cáo Đỗ Xuân T, Nguyễn Hữu Đ, Trịnh Kim H, Hoàng Tuấn A, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Tư phải chịu 700.000đ án phí DSST; bị cáo Huy phải chịu 5.50.000đ án phí DSST. Bị cáo Đăng và bị cáo Hoàng Tuấn Anh không phải chịu án phí DSST vì đã bồi thường trước khi xét xử.

Án xử công khai có mặt các bị cáo, người bị hại; Báo cho các bị cáo, người bị hại, người có nghĩa vụ, quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện C;

- Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các cơ quan hưu quan
- Lưu hồ sơ.

Đã Ký

Vũ Văn Nga